

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2024

Thí sinh có mặt tại phòng tập trung 308T5

Thời gian: Sáng ngày thứ Bảy, 14/9/2024

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Phòng thi	Ca thi	Giờ tập trung
1	1057	Nguyễn Đức Anh	Nam	4/2/1995	Hải Dương	Khoa học dữ liệu	301T5	1	7h00
2	1058	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	16/3/2000	Bắc Giang	Khoa học dữ liệu	301T5	1	7h00
3	1059	Phạm Quốc Anh	Nam	4/2/1997	Hải Dương	Khoa học dữ liệu	301T5	1	7h00
4	1060	Trần Vi Anh	Nữ	14/1/1999	Thanh Hóa	Khoa học dữ liệu	301T5	1	7h00
5	1061	Trương Hà Ngân Anh	Nữ	5/8/1997	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	301T5	1	7h00
6	1062	Nguyễn Gia Bách	Nam	19/12/1999	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	301T5	1	7h00
7	1063	Dương Đức Cường	Nam	30/4/2002	Thái Nguyên	Khoa học dữ liệu	301T5	2	9h00
8	1064	Nguyễn Trường Danh	Nam	12/11/2002	Nghệ An	Khoa học dữ liệu	301T5	2	9h00
9	1065	Nguyễn Hà Doanh	Nam	4/8/2001	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	301T5	2	9h00
10	1066	Dương Văn Dũng	Nam	22/3/1996	Bắc Giang	Khoa học dữ liệu	301T5	2	9h00
11	1067	Nguyễn Quốc Dũng	Nam	2/9/2001	Hưng Yên	Khoa học dữ liệu	301T5	2	9h00
12	1068	Nguyễn Việt Dũng	Nam	18/3/2002	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	301T5	2	9h00

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Phòng thi	Ca thi	Giờ tập trung
1	1069	Phan Bá Dũng	Nam	10/7/1999	Nghệ An	Khoa học dữ liệu	302T5	1	7h00
2	1070	Phan Thúc Định	Nam	1/3/1992	Thái Bình	Khoa học dữ liệu	302T5	1	7h00
3	1071	Đào Trọng Đức	Nam	27/6/1999	Hải Phòng	Khoa học dữ liệu	302T5	1	7h00
4	1072	Vũ Thị Phương Giang	Nữ	16/1/1997	Hải Phòng	Khoa học dữ liệu	302T5	1	7h00
5	1073	Hoàng Thị Hảo	Nữ	19/4/2002	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	302T5	1	7h00
6	1074	Nguyễn Thị Minh Hằng	Nữ	20/2/2001	Hưng Yên	Khoa học dữ liệu	302T5	1	7h00
7	1075	Trần Xuân Hiền	Nam	17/12/1998	Ninh Bình	Khoa học dữ liệu	302T5	2	9h00
8	1076	Phạm Bá Ngọc Hiền	Nam	30/3/1999	Hà Nam	Khoa học dữ liệu	302T5	2	9h00
9	1077	Đào Đức Hiếu	Nam	20/10/1995	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	302T5	2	9h00
10	1078	Lê Minh Hiếu	Nam	26/2/2002	Phú Thọ	Khoa học dữ liệu	302T5	2	9h00
11	1079	Lê Huy Hoàng	Nam	4/5/1999	Phú Thọ	Khoa học dữ liệu	302T5	2	9h00
12	1080	Lôi Giang Huy	Nam	5/7/1999	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	302T5	2	9h00

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Phòng thi	Ca thi	Giờ tập trung
1	1081	Phạm Quang Hưng	Nam	8/5/1996	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	303T5	1	7h00
2	1082	Vũ Minh Hưng	Nam	17/10/1994	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	303T5	1	7h00
3	1083	Nguyễn Minh Khuyên	Nữ	4/4/2000	Nam Định	Khoa học dữ liệu	303T5	1	7h00
4	1084	Nguyễn Tùng Lâm	Nam	6/4/2002	Phú Thọ	Khoa học dữ liệu	303T5	1	7h00
5	1085	Nguyễn Tùng Lâm	Nam	12/12/1996	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	303T5	1	7h00
6	1086	Nguyễn Tiến Linh	Nam	10/12/1992	Thái Bình	Khoa học dữ liệu	303T5	1	7h00
7	1087	Trần Mỹ Linh	Nữ	14/1/2000	Thái Nguyên	Khoa học dữ liệu	303T5	2	9h00
8	1088	Đinh Hải Lương	Nữ	29/12/2000	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	303T5	2	9h00
9	1089	Vũ Hà Ly	Nữ	13/11/2000	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	303T5	2	9h00
10	1090	Bùi Thanh Mai	Nữ	17/5/1999	Ninh Bình	Khoa học dữ liệu	303T5	2	9h00
11	1091	Tào Lê Minh	Nam	12/7/1994	Thanh Hóa	Khoa học dữ liệu	303T5	2	9h00
12	1092	Mai Trọng Nghĩa	Nam	5/10/1998	Sơn La	Khoa học dữ liệu	303T5	2	9h00

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Phòng thi	Ca thi	Giờ tập trung
1	1093	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Nữ	10/8/2001	Thái Bình	Khoa học dữ liệu	304T5	1	7h00
2	1094	Đoàn Trung Nguyên	Nam	18/9/2000	Hải Dương	Khoa học dữ liệu	304T5	1	7h00
3	1095	Nguyễn Đắc Quán	Nam	1/12/2002	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	304T5	1	7h00
4	1096	Vi Anh Quân	Nam	20/3/2002	Lạng Sơn	Khoa học dữ liệu	304T5	1	7h00
5	1097	Vũ Hồng Quân	Nam	15/9/1996	Phú Thọ	Khoa học dữ liệu	304T5	1	7h00
6	1098	Nguyễn Thị Quý	Nữ	10/6/2000	Nam Định	Khoa học dữ liệu	304T5	1	7h00
7	1099	Triệu Thị Như Quỳnh	Nữ	2/1/1996	Bắc Kạn	Khoa học dữ liệu	304T5	2	9h00
8	1100	Nguyễn Năng Tài	Nam	20/10/1997	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	304T5	2	9h00
9	1101	Bùi Duy Tân	Nam	17/11/2002	Thái Bình	Khoa học dữ liệu	304T5	2	9h00
10	1102	Vũ Thị Ngọc Thành	Nữ	12/7/2002	Hà Tĩnh	Khoa học dữ liệu	304T5	2	9h00
11	1103	Ngô Thị Thanh Thảo	Nữ	27/11/2000	Nam Định	Khoa học dữ liệu	304T5	2	9h00
12	1104	Nguyễn Minh Thúy	Nữ	8/3/1998	Hải Phòng	Khoa học dữ liệu	304T5	2	9h00

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Phòng thi	Ca thi	Giờ tập trung
1	1105	Nguyễn Hương Trà	Nữ	2/1/2001	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	309T5	1	7h00
2	1106	Nguyễn Thùy Trang	Nữ	19/1/1997	Thái Bình	Khoa học dữ liệu	309T5	1	7h00
3	1107	Vũ Thị Hà Trang	Nữ	12/5/1995	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	309T5	1	7h00
4	1108	Vũ Thị Kim Trâm	Nữ	25/11/2000	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	309T5	1	7h00
5	1109	Hoàng Nhật Tuấn	Nam	12/9/2000	Quảng Bình	Khoa học dữ liệu	309T5	1	7h00
6	1110	Lê Anh Tuấn	Nam	27/10/2001	Thanh Hóa	Khoa học dữ liệu	309T5	1	7h00
7	1111	Lê Anh Tuấn	Nam	7/12/2002	Ninh Bình	Khoa học dữ liệu	309T5	2	9h00
8	1112	Trần Anh Tuấn	Nam	7/2/1998	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	309T5	2	9h00
9	1113	Lê Thanh Tùng	Nam	13/12/1994	Ninh Bình	Khoa học dữ liệu	309T5	2	9h00
10	1114	Nguyễn Đức Việt	Nam	18/12/1992	Bắc Giang	Khoa học dữ liệu	309T5	2	9h00
11	1115	Trịnh Hà Vy	Nữ	27/8/2001	Hà Tĩnh	Khoa học dữ liệu	309T5	2	9h00

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Phòng thi	Ca thi	Giờ tập trung
1	1117	Nguyễn Thị Nga	Nữ	12/10/1998	Bắc Giang	Phương pháp toán sơ cấp (định	311T5	1	7h00
2	1118	Đỗ Thị Hồng Nhung	Nữ	20/1/2001	Thanh Hóa	Phương pháp toán sơ cấp (định	311T5	1	7h00
3	1119	Nguyễn Trịnh Tam	Nam	1/4/2002	Hà Nội	Phương pháp toán sơ cấp (định	311T5	1	7h00

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Phòng thi	Ca thi	Giờ tập trung
1	1054	Đỗ Khánh Huyền	Nữ	15/10/2002	Hải Phòng	Toán học	313T5	1	7h00
2	1055	Nguyễn Phan Minh	Nam	23/3/1999	Hà Nội	Toán học	313T5	1	7h00
3	1056	Hoàng Huyền Trang	Nữ	24/9/2002	Tuyên Quang	Toán học	313T5	1	7h00
4	1116	Lê Hà My	Nữ	19/7/2001	Thanh Hóa	Toán ứng dụng	313T5	1	7h00

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Phòng thi	Ca thi	Giờ tập trung
1	1047	Phạm Ngọc Bách	Nam	14/2/1996	Thanh Hóa	Khí tượng và khí hậu học	310T5	1	7h00
2	1048	Mai Đức Hoàng	Nam	22/12/2002	Nghệ An	Thủy văn học	310T5	1	7h00
3	1049	Phạm Thị Quỳnh Oanh	Nữ	29/1/1994	Hà Nội	Hải dương học	310T5	1	7h00

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Phòng thi	Ca thi	Giờ tập trung
1	1014	Đỗ Lan Anh	Nữ	16/4/2002	Hà Nội	Vật lý	201T5	1	7h00
2	1015	Trần Ngọc Anh	Nữ	12/10/2001	Khác	Vật lý	201T5	1	7h00
3	1016	Trương Đức Anh	Nam	30/5/2001	Hà Nội	Vật lý	201T5	1	7h00
4	1017	Vũ Thị Châm	Nữ	10/6/2002	Hải Dương	Vật lý	201T5	1	7h00
5	1018	Ngô Mỹ Hoa	Nữ	26/3/2002	Thái Nguyên	Vật lý	201T5	1	7h00
6	1019	Đinh Thị Kim Huệ	Nữ	22/9/2002	Hà Nội	Vật lý	201T5	2	9h00
7	1020	Đoàn Thị Huyền	Nữ	14/7/2002	Ninh Bình	Vật lý	201T5	2	9h00

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Phòng thi	Ca thi	Giờ tập trung
1	1021	Nguyễn Tuấn Kiệt	Nam	10/11/2002	Ninh Bình	Vật lý	202T5	1	7h00
2	1022	Hà Thị Thùy Linh	Nữ	11/9/2002	Hà Nam	Vật lý	202T5	1	7h00
3	1023	Lê Trần Quang Linh	Nam	21/1/1999	Hà Tĩnh	Vật lý	202T5	1	7h00
4	1024	Nguyễn Xuân Lộc	Nam	29/12/2001	Sơn La	Vật lý	202T5	1	7h00
5	1025	Phạm Thị Mai	Nữ	28/5/2002	Lạng Sơn	Vật lý	202T5	1	7h00
6	1026	Hà Nam Tiến	Nam	31/12/2000	Hà Nội	Vật lý	202T5	2	9h00
7	1027	Vương Thị Thùy Trang	Nữ	21/10/2001	Thái Bình	Vật lý	202T5	2	9h00

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Phòng thi	Ca thi	Giờ tập trung
1	1028	Thiều Lê Minh Châu	Nữ	7/5/2002	Khánh Hòa	Hoá học	203T5	1	7h00
2	1029	Tô Thị Duyên	Nữ	19/2/2002	Nghệ An	Hoá học	203T5	1	7h00
3	1030	Phạm Ánh Dương	Nữ	7/7/2002	Hà Nội	Hoá học	203T5	1	7h00
4	1031	Nguyễn Đình Đăng	Nam	10/1/1991	Nghệ An	Hoá học	203T5	1	7h00
5	1032	Nguyễn Quang Đức	Nam	20/1/1999	Hà Nội	Hoá học	203T5	1	7h00
6	1033	Mai Việt Giang	Nam	22/9/2002	Thanh Hóa	Hoá học	203T5	2	9h00
7	1034	Bùi Mai Hoa	Nữ	16/4/2002	Ninh Bình	Hoá học	203T5	2	9h00
8	1035	Nguyễn Thế Kiệt	Nam	25/12/2002	Hà Nội	Hoá học	203T5	2	9h00

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Phòng thi	Ca thi	Giờ tập trung
1	1036	Phạm Đỗ Quỳnh Anh	Nữ	27/8/2001	Hung Yên	Hoá phân tích	204T5	1	7h00
2	1037	Phạm Thị Phương Anh	Nữ	29/1/2002	Bắc Ninh	Hoá phân tích	204T5	1	7h00
3	1038	Nguyễn Việt Cường	Nam	11/7/1999	Hà Nội	Hoá phân tích	204T5	1	7h00
4	1039	Trịnh Hải Minh	Nam	27/6/2002	Nam Định	Hoá phân tích	204T5	1	7h00
5	1040	Nguyễn Minh Nguyệt	Nữ	1/4/2002	Hà Nội	Hoá phân tích	204T5	1	7h00
6	1041	Đỗ Yến Nhi	Nữ	23/8/2002	Hà Nội	Hoá phân tích	204T5	2	9h00
7	1042	Nguyễn Thị Tươi	Nữ	19/1/2002	Hải Dương	Hoá phân tích	204T5	2	9h00
8	1120	Trần Hiếu Nghĩa	Nam	23/1/1999	Hà Nội	Kỹ thuật hoá học	204T5	2	9h00

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Phòng thi	Ca thi	Giờ tập trung
1	1008	Nguyễn Hải Anh	Nam	2/10/2000	Hà Nội	Công nghệ sinh học	205T5	1	7h00
2	1009	Nguyễn Kim Anh	Nữ	8/9/2001	Hà Nội	Công nghệ sinh học	205T5	1	7h00
3	1010	Phùng Hải Linh	Nữ	22/2/1993	Quảng Ninh	Công nghệ sinh học	205T5	1	7h00
4	1011	Nguyễn Thị Mây	Nữ	11/7/2000	Bắc Ninh	Công nghệ sinh học	205T5	1	7h00
5	1012	Cao Thị Thu Trang	Nữ	29/10/2000	Hà Nội	Công nghệ sinh học	205T5	1	7h00
6	1013	Ngô Anh Tuấn	Nam	28/2/2001	Nghệ An	Công nghệ sinh học	205T5	2	9h00
7	1006	Nguyễn Quang Dũng	Nam	8/7/1999	Hải Phòng	Di truyền học	205T5	2	9h00
8	1007	Tô Ngọc Mai	Nữ	1/10/2002	Hà Nội	Di truyền học	205T5	2	9h00

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Phòng thi	Ca thi	Giờ tập trung
1	1001	Ngô Thị Ngà	Nữ	15/1/2000	Hà Nội	Vi sinh vật học	206T5	1	7h00
2	1002	Khuất Duy An	Nam	14/8/2002	Hà Nội	Sinh học thực nghiệm	206T5	1	7h00
3	1003	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	31/3/1999	Thái Bình	Sinh học thực nghiệm	206T5	1	7h00
4	1004	Vũ Hà Phương	Nữ	25/3/2002	Hải Dương	Sinh học thực nghiệm	206T5	1	7h00
5	1005	Nguyễn Thu Uyên	Nữ	6/9/2001	Thái Nguyên	Sinh học thực nghiệm	206T5	1	7h00

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Phòng thi	Ca thi	Giờ tập trung
1	1124	Nguyễn Việt Anh	Nam	30/9/2002	Bắc Ninh	Quản lý tài nguyên và môi	207T5	1	7h00
2	1125	Vũ Hoàng Hải	Nam	1/1/2002	Nam Định	Quản lý tài nguyên và môi	207T5	1	7h00
3	1126	Phạm Trần Tuấn Việt	Nam	14/6/2002	Hà Nội	Quản lý tài nguyên và môi	207T5	1	7h00
4	1127	Vũ Ngọc Minh Châu	Nữ	1/2/2002	Hà Nội	Quản lý đất đai	207T5	1	7h00
5	1128	Nguyễn Cẩm Lê	Nữ	1/10/2002	Hà Nội	Quản lý đất đai	207T5	1	7h00
6	1129	Hoàng Thị Ngọc Trâm	Nữ	10/4/2000	Lai Châu	Quản lý đất đai	207T5	2	9h00
7	1043	Nguyễn Mạnh Cường	Nam	18/1/2001	Hà Nội	Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin	207T5	2	9h00
8	1044	Nguyễn Đăng Quang	Nam	4/11/1999	Phú Thọ	Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin	207T5	2	9h00
9	1045	Nguyễn Thị Thảo Vân	Nữ	23/7/2000	Quảng Ninh	Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin	207T5	2	9h00
10	1046	Bùi Thị Yến	Nữ	15/4/2002	Bắc Giang	Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin	207T5	2	9h00

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Phòng thi	Ca thi	Giờ tập trung
1	1050	Nguyễn Tuấn Đức	Nam	26/4/1999	Hà Nội	Khoa học môi trường	208T5	1	7h00
2	1051	Trương Mỹ Gấm	Nữ	21/8/2000	Hà Nam	Khoa học môi trường	208T5	1	7h00
3	1052	Nguyễn Vũ Trung Kiên	Nam	12/7/2001	Nam Định	Khoa học môi trường	208T5	1	7h00
4	1053	Lê Minh Phụng	Nữ	14/9/2001	Quảng Ninh	Khoa học môi trường	208T5	1	7h00
5	1130	Ngô Thị Hiền	Nữ	2/7/1993	Thanh Hóa	Môi trường và phát triển bền	208T5	1	7h00
6	1121	Ngô Quang Anh	Nam	29/7/1998	Hà Nội	Kỹ thuật môi trường	208T5	2	9h00
7	1122	Nguyễn Quang Linh	Nam	21/6/2002	Nghệ An	Kỹ thuật môi trường	208T5	2	9h00
8	1123	Lê Thị Trà My	Nữ	20/9/2001	Thanh Hóa	Kỹ thuật môi trường	208T5	2	9h00